TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 31-01-2023
V/v Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hường
Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:120/2022/HNGĐ-ST, ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐ-PTngày 01/12 /2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 11/QĐ-PT ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Thế T, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ tạm trú: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hoàng Thị L: Luật sư Lê Văn T và luật sư Đỗ Thị Nhật L - Văn phòng luật sự B - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (luật sư T có mặt, luật sư L vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Hoàng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2012, các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Ngô Thế T trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L kết hôn năm 1998, đến năm 2007 do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn. Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 140/2007/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết cho anh và chị L được ly hôn và giải quyết về nuôi con chung. Anh nuôi con Ngô Thế T1, sinh năm 1999, chị L nuôi con Ngô Thế T2, sinh năm 2001, về tài sản khi đó chưa giải quyết do anh và chị L không yêu cầu.

Nay anh xác định quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 thửa đất diện tích 150m^2 đất ở tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, tài sản trên đất có 02 bức tường gạch và 01 chuồng chăn nuôi xây năm 1998 không còn giá trị sử dụng nên anh không yêu cầu định giá và không yêu cầu phân chia. Ngoài ra, trên đất có một số tài sản là: 01 cửa tôn, 01 mái tôn và 01 mái Proximăng của anh Nguyễn Văn N làm tạm trong thời gian thuê đất của anh, nhưng đến ngày 01/10/2022 là hết hạn thuê đất anh N sẽ tự tháo dỡ, di dời nên anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu phân chia tài sản nào khác.

Nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ anh là ông Ngô Thế T3 và bà Lý Thị Vi cho anh và chị L năm 1999 khi vợ chồng ra ở riêng. Ngày 17/8/2004 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình anh gồm có: Anh, chị L cháu T1 và cháu T2 là các con của anh, khi đó các cháu còn nhỏ và đến nay cũng không có công sức đóng góp phát triển tài sản nên các cháu không yêu cầu được chia.

Thửa đất diện tích 150m^2 đất ở tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, theo kết quả định giá ngày 25/7/2022, có trị giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), anh đề nghị chia đôi tài sản. Do bố, con anh chưa có nhà ở nên anh có nhu cầu được giao đất và thanh toán giá trị tài sản cho chị L bằng tiền.

Ngày 15/8/2022 anh có gửi cho Tòa án "Văn bản thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất" ghi ngày 17/10/2007 là bản phô tô, nay anh không cung cấp được bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực và anh cũng không yêu cầu giải quyết theo nội dung văn bản này, đề nghị bỏ văn bản này.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2022 và tại phiên tòa chị Hoàng Thị L là bị đơn trình bày:

Chị thống nhất với anh T về con chung và tài sản chung. Về nguồn gốc có được tài sản chung của vợ chồng là do vợ chồng mua của ông Ngô Thế T3 và bà Lý Thị V là bố mẹ anh T, chị không có tài liệu, chứng gì cứ để chứng minh là đã mua. Nay anh T yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất diện tích 150m^2 đất ở tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, chị mong muốn để lại thửa đất này cho con, nhưng nếu anh T đề nghị phân chia thì chị đề nghị được giao đất và thanh toán

giá trị bằng tiền cho anh T. Ngoài ra chị không yêu cầu phân chia tài sản nào khác. Hiện nay chị có đất và nhà 2 tầng kiên cố tại xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Về Văn bản thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 17/10/2007 do anh T nộp là bản phô tô, trước đây chị cũng được giữ 1 bản nhưng nay thời gian đã lâu chị không cung cấp được bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực và chị cũng không yêu cầu giải quyết theo nội dung văn bản này nữa, đề nghị bỏ văn bản này.

Cháu Ngô Thế T1 và cháu Ngô Thế T2 là các con của anh T và chị L cùng thống nhất: Cả hai đều xác định thửa đất diện tích 150m^2 đất ở tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đất của ông bà nội cho bố mẹ các anh, khi đó các anh còn nhỏ và đến nay cũng không có công sức phát triển tài sản nên các anh không yêu cầu được chia và từ chối tham gia tố tụng.

Đối với Văn bản thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 17/10/2007 do bố các anh nộp là bản phô tô, các anh không có ý kiến gì, không yêu cầu giải quyết và nhất trí bỏ văn bản này.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 120/2022/HNGĐ-ST, ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 272 và Điều 273 của Bộ; Điều 33; 59; 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của vợ chồng sau khi ly hôn của anh Ngô Thế T.

- Giao cho anh Ngô Thế T được quyền sử dụng thửa đất diện tích 150 m2 đất ở lâu dài tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền với đất, tại thửa số 1155, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận QSDĐ số AA 366496, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ Số 00097/QSDĐ/1606/QĐ-CT(H) ngày 17/8/2004 cho hộ ông Ngô Thế T. Thửa đất có các cạnh 1-2 dài 6.00m; 2-3 dài 25.00 m; 3-4 dài 6.00m; 4-1 dài 25.00m, trị giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) (có sơ đồ kèm theo).

- Anh T thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho chị Hoàng Thị L là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

- Về chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá tài sản: Anh T chịu 8.000.000đ (Tám triệu đồng), xác nhận đã nộp đủ.

- Về án phí: Anh T phải chịu 57.000.000 đồng (Năm mươi bẩy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0013778 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Anh T phải nộp tiếp 54.500.000 đồng (Năm mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng)

Chị L phải chịu 57.000.000 đồng (Năm mươi bẩy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyến định lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 06/10/2022, chị Hoàng Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên, lý do

kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L giải quyết chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét lại sửa bản án sơ thẩm nói trên theo hướng chia đôi tài sản cho chị và anh T mỗi người được hưởng 75m^2 đất trong tổng diện tích 150m^2 đất ở tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Ngô Thế T không rút đơn khởi kiện, bị đơn chị Hoàng Thị L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hoàng Thị L và chị L trình bầy: Chị L kháng cáo đề nghị chia đôi tài sản là diện tích đất 150m^2 bằng hiện vật, chia ngang đất, mỗi người nhận ½ diện tích đất là 75m^2, vì đất này có thể chia đôi, phía sau cũng có lối đi đường bê tông vào. Chị có nhà nhưng là nhà của bố mẹ chị, anh T cũng không ở trên đất này, tại phiên tòa ngày 29/12/2022 chị L đề nghị đo vẽ thẩm định lại và Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để đo vẽ thẩm định lại. Tại phiên tòa ngày 31/01/2023 luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L và chị L trình bầy bổ sung và nêu kháng cáo đề nghị chia tài sản bằng hiện vật của chị L là có căn cứ, căn cứ vào luật hôn nhân gia đình và Quy định 40/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Diện tích 150m^2 đất này đủ điều kiện để chia tài sản bằng hiện vật. Bản án sơ thẩm giao toàn bộ tài sản là diện tích đất 150m^2 trị giá 3 tỷ đồng cho anh T và buộc anh T trả 1,5 tỷ đồng cho chị L là không đảm bảo quyền lợi của bị đơn trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị L. Sửa bản án sơ thẩm. Chia tài sản bằng hiện vật giao cho chị L phần đất giáp đường nhựa và giao cho anh T phần đất giáp đường bê tông, chị L trả tiền chênh lệch cho anh T là 500.000.000 đồng.

Về chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm hết 5.400.000 đồng chị L đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh Ngô Thế T trình bầy: Anh đồng ý chia đôi tài sản bằng hiện vật theo chiều ngang đất và đồng ý tạm ngừng phiên tòa ngày 29/12/2022 để đo vẽ thẩm định lại để chia đôi tài sản đối với diện tích trên, tại phiên tòa ngày 31/01/2023 anh không đồng ý kháng cáo của chị L về việc chia cho anh diện tích 75m^2 giáp mặt đường bê tông và trả cho anh chênh lệch 500.000.000 đồng vì lý do con trai anh đã có gia đình cần mặt trước để kinh doanh, chị L đã có nhà ở, nguồn gốc đất là của bố mẹ anh.

Về chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng

Thị L. Sửa bản án sơ thẩm. Chia tài sản chung là thửa đất 1155, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận QSDĐ số AA 366496, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ Số 00097/QSDĐ/1606/QĐ-CT(H) ngày 17/8/2024 cho hộ ông Ngô Thế T làm hai phần, anh T được quyền quản lý, sử dụng 75m^2 đất giáp đường nhựa trị giá 1.500.000.000 đồng, chị L quản lý, sử dụng 75m^2 đất giáp đường bê tông trị giá 1.500.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm hết 5.400.000 đồng, chị L, anh T mỗi người chịu 2.700.000 đồng.

Về án phí: Anh T, chị L được chia tài sản nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chịu Lưu 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tài sản chung: Anh Ngô Thế T và chị Hoàng Thị L chung sống với nhau từ năm 1989, đến năm 2007 được giải quyết ly hôn và nuôi con chung tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 140/2007/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay anh T và chị L đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng và thống nhất vợ chồng có tài sản chung là: Thửa đất diện tích 150m^2, đất ở tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trị giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và đề nghị chia đôi tài sản. Ngoài ra không yêu cầu phân chia tài sản nào khác. Bản án sơ thẩm đã giao cho anh Ngô Thế T được quyền sử dụng thửa đất diện tích 150m^2 đất ở lâu dài tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền với đất, tại thửa số 1155, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận QSDĐ số AA 366496, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ Số 00097/QSDĐ/1606/QĐ-CT(H) ngày 17/8/2004 cho hộ ông Ngô Thế T. Thửa đất có các cạnh 1-2 dài 6.00m; 2-3 dài 25.00 m; 3-4 dài 6.00m; 4-1 dài 25.00m, trị giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) (có sơ đồ kèm theo). Nhưng anh T thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho chị Hoàng Thị L là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

[2]. Về nội dung kháng cáo: Chị Hoàng Thị L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm chị đề nghị chia đôi tài sản là diện tích đất ở 150m^2 bằng hiện vật. Xét kháng cáo của chị Hoàng Thị L. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/12/2022 chị L trình bầy chị đề nghị chia đôi tài sản là diện tích đất 150m^2 theo chiều ngang của đất vì cả hai mặt ngang của diện tích đất trên đều có đường vào, anh T đồng ý. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa ngày 29/12/2022 và quyết định thẩm định và thuê đo vẽ theo đề nghị và yêu cầu của các đương sự. Sau khi xem xét thẩm định và đo vẽ lại diện tích đất 150m^2 thì thấy diện tích đất này có thể chia đôi theo chiều ngang vì một mặt giáp đường nhựa, một mặt giáp đường bê tông

mà vẫn đảm bảo giá trị sử dụng và quyền lợi cho các đương sự. Do vậy, Bản án sơ thẩm giao toàn bộ diện tích 150m^2 đất cho anh T và buộc anh T trả tiền cho chị L là không đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L. Nên kháng cáo của chị L và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L tại phiên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa ngày 31/01/2023 luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L và chị L đề nghị giao phần đất tiếp giáp mặt đường nhựa cho chị L và chị L trả tiền chênh lệch trị giá 500.000 đồng cho anh T. Hội đồng xét xử thấy: Diện tích đất 150m^2 là tài sản chung của vợ chồng anh T, chị L. Cả anh T, chị L đều công nhận diện tích đất này có nguồn gốc từ bố mẹ anh T, nên bản án sơ thẩm chia đôi tài sản trên và giao cho anh T được quyền sử dụng toàn bộ 150m^2 đất và trả tiền cho chị L trị giá 1.500.000.000 đồng là chưa đảm bảo quyền lợi cho anh T. Tuy nhiên anh T không kháng cáo, xét thấy nguồn gốc 150m^2 của bố mẹ anh T nên ưu tiên giao cho anh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 75m^2 đất giáp mặt đường nhựa trị giá 1.500.000.000 đồng, giao cho chị L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 75m^2 đất giáp mặt đường bê tông trị giá 1.500.000.000 đồng là có căn cứ. Nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L và chị L về nội dung này.

Từ nhận định, phân tích trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị L. Sửa bản án sơ thẩm. Chia tài sản chung là thửa đất 1155, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận QSDĐ số AA 366496, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ Số 00097/QSDĐ/1606/QĐ-CT(H) ngày 17/8/2024 cho hộ ông Ngô Thế T làm hai phần, anh T được quyền quản lý, sử dụng 75m^2 đất giáp đường nhựa trị giá 1.500.000.000 đồng, chị L quản lý, sử dụng 75m^2 đất giáp đường bê tông trị giá 1.500.000.000 đồng.

[3]. Về chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm: Chi phí hết số tiền 5.400.000 đồng các đương sự đều đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Xét thấy đề nghị này của các đương sự là có căn cứ vì theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Trường hợp yêu cầu chia tài sản chung thì mỗi người được chia phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia". Do chia đôi tài sản nên mỗi bên phải chịu 2.700.000 đồng tiền chi phí thẩm định, đo vẽ. Do chị L đã nộp đủ 5.400.000 đồng nên anh T phải trả chị L 2.700.000 đồng.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do giá trị tài sản anh T, chị L được chia trị giá 1.500.000.000 đồng nên theo quy định danh mục kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh T phải nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bẩy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0013778 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Anh T phải nộp tiếp 54.500.000 đồng (Năm mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng)

Chị L phải nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bẩy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm do kháng cáo của chị Hoàng Thị L được chấp nhận. Nên chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2006 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả chị L 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị L. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 24, 26, 27 khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chia tài sản chung là thửa đất 1155, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận QSDĐ số AA 366496, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ Số 00097/QSDĐ/1606/QĐ-CT(H) ngày 17/8/2004 mang tên hộ ông Ngô Thế T.

Chia và giao cho anh Ngô Thế T được quyền sử dụng diện tích đất thửa đất diện tích 75m^2 đất ở lâu dài tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang tại thửa số 1155, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận QSDĐ số AA 366496, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ Số 00097/QSDĐ/1606/QĐ-CT(H) ngày 17/8/2004 mang tên hộ ông Ngô Thế T. Thửa đất có các cạnh cụ thể: Cạnh phía Bắc giáp đường nhựa 1-2 = 6.00m; cạnh phía Đông 2-3 = 12.50m; cạnh phía Nam giáp đất chị Hoàng Thị L 3-6 = 6.00m; cạnh phía Tây 6-1=12.50m, trị giá 1.500.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm triệu đồng)* (có sơ đồ kèm theo).

Chia và giao cho chị Hoàng Thị L được quyền sử dụng diện tích 75m^2 đất ở lâu dài tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, tại thửa số 1155, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận QSDĐ số AA 366496, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ Số 00097/QSDĐ/1606/QĐ-CT(H) ngày 17/8/2004 mang tên hộ ông Ngô Thế T. Thửa đất có các cạnh cụ thể: Cạnh phía Bắc giáp đất anh Ngô Thế T 3-6 = 6.00m; cạnh phía Đông 3-4 = 12.50m; cạnh phía Nam giáp đường bê tông 4-5 = 6.00m; cạnh phía Tây 5-6=12.50m, trị giá 1.500.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm triệu đồng)* (có sơ đồ kèm theo).

Anh T, chị L có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sự dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí chia tài sản: Anh Ngô Thế T phải nộp 57.000.000 đồng *(Năm mươi*

bẩy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0013778 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Anh T phải nộp tiếp 54.500.000 đồng *(Năm mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Chị Hoàng Thị L phải nộp 57.000.000 đồng *(Năm mươi bẩy triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị Hoàng Thị L 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0014031 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Về chi phí đo vẽ, thẩm định tại cấp phúc thẩm: Anh Ngô Thế T phải trả chị Hoàng Thị L 2.700.000 đồng *(hai triệu bẩy trăm nghìn đồng).*

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-TAND huyện Lục Nam;
-VKSND huyện Lục Nam;
-Chi cục THADS huyện Lục Nam;
-Công thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền